TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2019/HS-ST
Ngày: 04 - 11 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Kim Thành và Ông Đào Xuân Nhi

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Đăng - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 146/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bồ Văn N, sinh năm 1996 tại Bình Phước; nơi cư trú tổ 3, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bồ Văn T, sinh năm 1974 và bà Thái Thị Cẩm N, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án 01: Ngày 06/9/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" (Tại Bản án số 110/2016/HSST ngày 06/9/2016); tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 05/9/2019, bị Công an thành phố Đ, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 73/QĐ-TGN với số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2019 cho đến nay "có mặt".

2. Nguyễn Quang Đ (tên gọi khác: L), sinh năm 1995 tại Bình Phước; nơi cư trú thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay khu phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Quang H (đã chết) và bà Lê Thị L, sinh năm 1974; bị cáo có vợ là chị Lê Ngọc H, sinh năm 2000, bị cáo chưa có con;

Tiền án 01: Ngày 02/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Tại Bản án số 13/2017/HSST ngày 02/3/2017); tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 05/9/2019, bị Công an thành phố Đ, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 734QĐ-TGN với số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2019 cho đến nay "có mặt".

Người bị hại:

Bà Lê Thị L, sinh năm 1977; nơi cư trú khu phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "có mặt".

Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1990; nơi cư trú đội 01, ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước "có đơn xin xét xử vắng mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Ngọc H, sinh năm 2000; nơi cư trú thôn 01, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước "có mặt";

Anh Lê Vũ H, sinh năm 1991; nơi cư trú ấp 3, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "có mặt";

Chị Lê Thị T, sinh năm 1991; nơi cư trú thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước; chổ ở hiện nay thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 08/6/2019 đến ngày 11/6/2019, Nguyễn Quang Đ cùng Bồ Văn N đã thực hiện 02 vụ "Cướp giật tài sản" trên địa bàn thành phố Đ để lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ ngày 08/6/2019, Bồ Văn N gọi điện thoại cho Nguyễn Quang Đ rủ Đ đi trộm cắp tài sản thì Đ đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe môtô hiệu Honda Vision biển số 93P2 – 345.36 chở N đi lòng vòng tìm tài sản của người dân sơ hở để lấy trộm. Khi đi đến đoạn đường P, thuộc khu phố 01, phường T, thành phố Đ thì cả hai cùng nhìn thấy chị Lê Thị L đang đi bộ một mình trên vỉa hè theo hướng ngược lại và để 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 trong túi áo. Lúc này, N hỏi "Có làm không?" thì Đ hiểu ý N muốn rủ Đ thực hiện việc chiếm đoạt điện thoại của chị L nên Đ đồng ý. Khi này, Đ quay đầu xe chạy từ phía sau đến áp sát người chị L, N dùng tay phải giật điện thoại di động trong túi áo của chị L rồi Đ tăng ga điều khiển xe chạy đi. Sau khi lấy được điện thoại thì N rủ Đ đi đến tiệm điện thoại G, thuộc khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước do anh Lê Vũ H làm chủ và bán chiếc điện thoại trên

cho anh H được số tiền 1.500.000 đồng, số tiền này N và Đ chia nhau mỗi người 750.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 11/6/2019, Đ điều khiển xe môtô biển số 93P2 – 345.36 chở N đi trên đường P đoạn qua khu vực ngã ba H hướng Đ đi thành phố Hồ Chí Minh, thuộc khu phố T, phường T, thành phố Đ thì cả hai nhìn thấy chị Trần Thị Kim T đang đứng trên vỉa hè một mình, trên tay cầm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 9 màu xanh đen. Lúc này, N nói với Đ "Làm luôn bà này rồi về" thì Đ hiểu ý N muốn rủ Đ thực hiện việc chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị T nên Đ đồng ý và điều khiển xe quay đầu chạy trên vỉa hè áp sát chị T rồi Đ dùng tay trái giật điện thoại của chị T đưa cho N cầm, rồi điều khiển xe chạy thoát. Sau khi giật được điện thoại N và Đ đem đến tiệm điện thoại G, thuộc khu phố B, thị trấn T do anh Lê Vũ H làm chủ bán nhưng anh H xem máy thấy có mật khẩu nên không mua. Sau đó Đ cùng N mang điện thoại nói trên đến tiệm điện thoại R, thuộc thôn P, xã P, huyện P do chị Lê Thị T làm chủ bán được số tiền 6.500.000 đồng, số tiền này Đ và N chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 12/6/2019, Nguyễn Quang Đ đến Công an phường T, thành phố Đ đầu thú.

Tại bản kết luận định giá số 100/KLĐG ngày 18/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 9 128 GB, màu xanh đen, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường, trị giá 14.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 16GB, màu xám, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường, trị giá 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ 01 xe môtô hiệu Honda, loại xe Vision, màu đỏ đen, biển số 93P2 – 345.36; 01 nón bảo hiểm màu xanh dương, nhãn hiệu "Sơn"; số tiền 3.500.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số sim 0987.348.463; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh; 01 điện thoại di động Iphone 6 16GB, màu xám; 01 điện thoại di động Samsung J2 màu vàng; 01 chứng nhận đăng ký xe số 078075 mang tên Lê Ngọc Hoa; 01 chứng minh nhân dân số 285676655 mang tên Nguyễn Quang Đ; 01 quần kaki màu đen; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng đục, sọc ngang; 01 quẹt ga màu vàng, 01 nắp nhựa màu đỏ có đục 02 lỗ và 01 ống thủy tinh dài 11cm.

Ngày 05/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã xử lý vật chứng trả lại cho chị Trần Thị Kim T 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh; trả cho chị Lê Thị L 01 điện thoại di động Iphone 6, màu xám; trả cho chị Lê Ngọc H 01 xe môtô biển số 93P2 – 345.36 và 01 chứng nhận đăng ký xe số 078075 mang tên Lê Ngọc H.

Tại Bản cáo trạng số 143/CT-VKS ngày 07/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo Bồ Văn N và Nguyễn Quang Đ về tội *"Cướp giật tài sản"* theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội Đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bồ Văn N mức án từ 05 đến 06 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Đ mức án từ 04 đến 05 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội Đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội Đồng xét xử ghi nhận việc tại phiên tòa bị cáo Bồ Văn N và Nguyễn Quang Đ đồng ý bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Vũ H số tiền 1.500.000 đồng.

Đối với số tiền 6.500.000 đồng mà chị Lê Ngọc H đã bồi thường cho chị Lê Thị T, do chị T không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và chị H cũng không yêu cầu bị cáo Nguyễn Quang Đ phải hoàn trả lại cho chị H số tiền này nên đề nghị Hội Đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội Đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang Đ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số sim 0987.348.463 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Quang Đ; trả lại cho bị cáo Bồ Văn N 01 điện thoại di động Samsung J2 màu vàng.

Tịch thu tiêu hủy 01 nón bảo hiểm màu xanh dương, nhãn hiệu "Sơn"; 01 quần kaki màu đen; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng đục, sọc ngang; 01 quẹt ga màu vàng; 01 nắp nhựa màu đỏ có đục 02 lỗ và 01 ống thủy tinh dài 11cm.

Đối với số tiền 3.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Quang Đ, tại phiên tòa bị cáo Đ khai nhận số tiền trên là do bị cáo bán chiếc điện thoại cướp giật của chị T mà có nên đề nghị Hội Đồng xét xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo N và Đ tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội Đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 143/CT-VKS ngày 07/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại; người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản người phạm tội ra đầu thú; biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội Đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng nên trong các ngày 08/6/2019 và 11/6/2019, lợi dụng việc chị Lê Thị L và chị Trần Thị Kim Th sơ hở trong việc quản lý tài sản, Bồ Văn N đã rủ Nguyễn Quang Đ thực hiện việc chiếm đoạt tài sản thì Đ đồng ý, sau khi điều khiển xe mô tô Honda Vision biển số 93P2-345.36 chở N thì Đ thực hiện việc tăng ga xe từ phía sau để N giật lấy chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 loại 16GB, màu xám của chị L và đồng thời Đ còn giật chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Note 9 128 GB, màu xanh đen của chị T, sau đó các bị cáo đem tài sản cướp giật được bán lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Căn cứ vào hành vi các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện để thực hiện việc cướp giật tài sản là hành vi nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố các bị cáo về tội cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo là người đã thành niên, hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích tiêu xài cá nhân và để có tiền sử dụng ma túy mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người bị hại, các bị cáo đã từng bị kết án và đều nghiện ma túy, do đó cần thiết phải có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân tích vai trò của từng bị cáo trong việc cá thể hóa hình phạt:

Đối với bị cáo Bồ Văn N: Bị cáo là người rủ rê bị cáo Nguyễn Quang Đ thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, sau khi bị cáo Đ điều khiển xe áp sát chị Lê Thị L bị cáo đã giật chiếc điện thoại của chị L, khi bị cáo Đ giật được chiếc điện thoại của chị T bị cáo cũng cất giấu để cùng bị cáo Đ bán lấy tiền chia nhau tiêu xài; bị cáo đã có 01 tiền án: Ngày 06/9/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" chưa được xóa án tích lại 02 lần thực hiện việc phạm tội nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng hình phạt là "tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và "phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Quang Đ: Bị cáo là người thực hành tích cực, khi được bị cáo N rủ đi trộm cắp tài sản bị cáo đã điều khiển xe mô tô chở bị cáo N và thực hành việc áp sát xe để bị cáo N giật tài sản của chị L và trực tiếp giật chiếc điện thoại của chị T. Bị cáo đã có 01 tiền án: Ngày 02/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích lại 02 lần thực hiện việc phạm tội nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng hình phạt là "tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và "phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Các bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ như trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Đ đã tác động gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại cho người bị hại, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Do đó bị cáo N được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên được Hội Đồng xét xử xem xét trong việc lượng hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội Đồng xét xử không áp dụng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Vũ H yêu cầu các bị cáo Bồ Văn N và Nguyễn Quang Đ phải bồi thường cho anh H số tiền 1.500.000 đồng. Yêu cầu này của anh H được bị cáo N và Đ chấp nhận. Xét sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và anh H là tự nguyện, không trái với các quy định của pháp luật nên được Hội Đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền 6.500.000 đồng mà chị Lê Ngọc H đã bồi thường cho chị Lê Thị T, do chị T không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và chị H cũng không yêu cầu bị cáo Đ phải hoàn trả lại cho chị H số tiền này nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số sim 0987.348.463 và 01 điện thoại di động Samsung J2 màu vàng, đây là phương tiện để các bị cáo liên hệ thực hiện hành vi phạm tội do đó cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 3.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Quang Đ, tại phiên tòa bị cáo Đ khai nhận số tiền trên là do bị cáo bán điện thoại cướp giật của chị T mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chứng minh nhân dân số 285676655 mang tên Nguyễn Quang Đ, đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội do đó cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 nón bảo hiểm màu xanh dương, nhãn hiệu "Sơn"; 01 quần kaki màu đen, 01 áo sơ mi dài tay màu trắng đục, sọc ngang, 01 quẹt ga màu vàng, 01 nắp nhựa màu đỏ có đục 02 lỗ, 01 ống thủy tinh dài 11cm do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội Đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Bồ Văn N, Nguyễn Quang Đ phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bồ Văn N 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ 13/6/2019.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ 13/6/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Bồ Văn N và Nguyễn Quang Đ phải bồi thường cho anh Lê Vũ H số tiền 1.500.000 đồng (mỗi bị cáo bồi thường số tiền 750.000 đồng).

"Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015".

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia màu đen và số sim ; 01 điện thoại di động Samsung J2 màu vàng và số sim (đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong) và số tiền 3.500.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy 01 thùng đựng giấy A4 có chữ ký của Điều tra viên Lê Thành C bên trong có 01 nón bảo hiểm màu xanh dương, nhãn hiệu "Sơn"; 01 quần kaki màu đen, 01 áo sơ mi dài tay màu trắng đục, sọc ngang, 01 quẹt ga màu vàng, 01 nắp nhựa màu đỏ có đục 02 lỗ, 01 ống thủy tinh dài 11cm.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang Đ 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Quang Đ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001727, quyển số 0035, ký hiệu D47/2017 ngày 09/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo N, bị cáo Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo N, bị cáo Đ mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

<u>Nơi nhận</u>:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An